

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa P tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mau.

2. Bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký P tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia P tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn P tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1987 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Ngụ Anh H, sinh năm 1978 – Vắng mặt;

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố N, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn P: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2021) - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Q là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn P trình bày:

Ngày 05/9/2018, chị Phan Thị Q và anh Phan Văn P có cho vợ chồng anh Ngụ Anh H và chị Nguyễn Thị L vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng tính theo lãi suất ngân hàng là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, kể từ khi vay đến nay anh H, chị L không trả tiền gốc và tiền lãi cho chị Q, anh P, mặc dù chị Q, anh P đã nhiều lần yêu cầu.

Nay chị Phan Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Q, anh P số tiền gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 05/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Ngụ Anh H và chị Nguyễn Thị L trình bày:

Anh H và chị L thừa nhận vào ngày 05/9/2018 anh H và chị L có vay của chị Q, anh P số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn trả nợ, lãi suất tiền vay như chị Q trình bày là đúng. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nợ nần nên anh H và chị L xin được trả dần cho chị Q, anh P.

Đối với bị đơn là anh Ngụ Anh H và chị Nguyễn Thị L, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do, chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị Q là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn P, bị đơn chị Nguyễn Thị L đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngụ Anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Q đối với anh Ngụ Anh H và chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Q là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn P, bị đơn chị Nguyễn Thị L đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Ngụ Anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Phan Thị Q và anh Phan Văn P tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn là anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy vay tiền ngày 05/9/2018 thể hiện anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L có vay của chị Phan Thị Q và anh Phan Văn P số tiền gốc là 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Quá trình giải quyết anh H, chị L, anh P và chị Q đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận miệng của tiền vay là 10%/năm. Chị Q khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc anh H, chị L trả cho chị Q và anh P số tiền gốc là 600.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay từ ngày 05/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Hợp đồng vay tiền giữa anh H, chị L, anh P và chị Q ngày 05/9/2018 (giấy vay tiền) thuộc trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/năm phù hợp với mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng, 0,028%/ngày). Vì vậy, tiền lãi của số tiền nợ vay 600.000.000 đồng tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2021) là 24 tháng 6 ngày, cụ thể như sau: $(600.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng}) + (600.000.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ ngày} \times 0,028\%/\text{ngày}) = 120.528.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi cần buộc anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Phan Văn P, chị Phan Thị Q là 600.000.000 đồng + 120.528.000 đồng = 720.528.000 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Q là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc anh Ngụ Anh H và chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Phan Văn P, chị Phan Thị Q tổng số tiền là 720.528.000đ (bảy trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 120.528.000 đồng.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $720.528.000đ \text{ đồng} \times 5\% = 36.026.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Phan Thị Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Q đối với anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L.

Buộc anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Phan Văn P, chị Phan Thị Q tổng số tiền là 720.528.000đ (bảy trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 120.528.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Phan Văn P, chị Phan Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Ngụ Anh H, chị Nguyễn Thị L phải chịu 36.026.000đ (ba mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Phan Thị Q số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002567 ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu